|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD & ĐT** ………………. | **Chữ kí GT1:** ........................... |
| **TRƯỜNG THCS**………………. | **Chữ kí GT2:** ........................... |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**

**MÔN: Địa lí 9 – KẾT NỐI TRI THỨC**

**NĂM HỌC: 2024 – 2025**

**Thời gian làm bài: 45 phút *(****Không kể thời gian phát đề)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Họ và tên:** …………………………………… **Lớp**:………………..  **Số báo danh:** …………………………….……**Phòng KT**:………….. | **Mã phách** |

✂

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm bằng số** | **Điểm bằng chữ** | **Chữ ký của GK1** | **Chữ ký của GK2** | **Mã phách** |

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)**

*Hãy khoanh tròn vào chữ in hoa trước câu trả lời đúng:*

**Câu 1.** Vì sao tài nguyên sinh vật có ảnh hưởng lớn đến nông nghiệp?

A. Thực vật là nguồn thức ăn quan trọng phục vụ chăn nuôi.

B. Sinh vật là tư liệu sản xuất không thể thay thế được của nông nghiệp.

C. Đây là nguồn cung cấp hữu cơ để tăng độ phì cho đất.

D. Cây trồng và vật nuôi là đối tượng hoạt động của nông nghiệp.

**Câu 2.** Các nguồn tài nguyên khoáng sản như than, dầu, khí là nguyên liệu cho ngành công nghiệp?

A. Công nghiệp luyện kim đen.

B. Công nghiệp luyện kim màu.

C. Công nghiệp năng lượng, hóa chất.

D. Công nghiệp vật liệu xây dựng.

**Câu 3.** Đâu là địa phương có thu nhập bình quân đầu người/tháng cao nhất cả nước?

A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

B. Tây Nguyên.

C. Đồng bằng sông Hồng.

D. Đông Nam Bộ.

**Câu 4:** Đâu là nguyên nhân dẫn đến sự phân bố của các dân tộc ở nước ta?

A. Điều kiện tự nhiên.

B. Tập quán sinh hoạt và sản xuất.

C. Nguồn gốc phát sinh.

D. Chính sách của nhà nước.

**Câu 5:** Nước ta gồm những loại rừng nào?

A. Rừng sản xuất, rừng sinh thái và rừng phòng hộ.

B. Rừng phòng hộ, rừng nguyên sinh và rừng đặc dụng.

C. Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất.

D. Rừng sản xuất, rừng quốc gia và rừng phòng hộ.

**Câu 6:** Nguyên nhân của đô thị hóa ở nước ta là do?

A. Di dân tự do từ nông thôn lên thành phố.

B. Tác dộng của thiên tai, bão lũ, triều cường.

C. Hệ quả của quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa

D. Nước ta là nước chủ yếu trồng lúa nước.

**Câu 7:** Đâu là trung tâm công nghiệp có quy mô rất lớn ở nước ta?

A. Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng.

B. Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

C. Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.

D. Hà Nội, Hải Phòng, Vũng Tàu.

**Câu 8:** Đâu **không** phải là mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả phát triển kinh tế ở Việt Nam?

A. Mô hình trồng trọt hữu cơ.

B. Mô hình chăn nuôi tuần hoàn.

C. Mô hình nuôi trồng thuỷ sản đơn lẻ.

D. Mô hình nông nghiệp thông minh.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1 (1,5 điểm).**

a. Em hãy nêu một số ngành công nghiệp chủ yếu ở nước ta?

b. Theo em, tại sao nhà nước khuyến khích phát triển ngành công nghiệp xanh?

**Câu 2 (1,0 điểm).** Vì sao nói tài nguyên đất, khí hậu ảnh hưởng nhiều đến sản xuất nông nghiệp?

**Câu 3 (0,5 điểm).** Dân số đông và tăng nhanh gây ra những hậu quả gì đối với kinh tế, xã hội, môi trường của nước ta?

**BÀI LÀM**

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

|  |
| --- |
|  |

✄

**BÀI LÀM:**

………………………………………………………………………………………....

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

**TRƯỜNG THCS** ........

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2024 – 2025)**

**MÔN: LỊCH SỬ ĐỊA LÍ 9 (PHẦN ĐỊA LÍ) – KẾT NỐI TRI THỨC**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: 2,0 điểm**

***Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 |
| **D** | **C** | **D** | **B** | **C** | **A** | **A** | **C** |

**B. PHẦN TỰ LUẬN**: **3,0 điểm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1**  **(1,5 điểm)** | a. Các ngành công nghiệp chủ yếu ở nước ta: Công nghiệp khai khoáng, công nghiệp sản xuất điện, Công nghiệp sản xuất và chế biến thực phẩm, công nghiệp sản xuất điện tử, máy vi tính... | **0,5** |
| b. Nhà nước khuyến khích phát triển ngành công nghiệp xanh vì:  - Giúp giảm thiểu tác động của sản xuất công nghiệp đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu lượng rác thải.  - Tạo ra các việc làm và cơ hội kinh doanh mới cho người dân.  - Giúp tăng cường tính cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường toàn cầu. | **1,0** |
| **Câu 2**  **(1,0 điểm)** | \* Tài nguyên đất:  Nước ta có 2 nhốm đất cơ bản :  - Đất phù sa: Tập trung các đồng bằng châu thổ và các đồng bằng ven biển miền trung là đất phù sa có diện tích triệu ha thích hợp trồng các loại cây lương thực , công nghiệp ngắn ngày.  - Đất feralit: Tập trung chủ yếu miền núi và trung du. Các loại đất feralit chiếm diện tích trên 16 triệu ha thích hợp trồng rừng, cây công nghiệp , cây ăng quả , 1số cây hoa màu.  \* Khí hậu: Sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng rất lớn thời tiết và khí hậu:  - Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm: Làm cho cây cối phát triển quanh năm, sinh trưởng nhanh, có thể tiến hành nhiều vụ trong năm .  - Khí hậu nước ta phân hố đa dạng: Có thể trồng nhiều loại cây trồng nhiệt đới cận nhiệt, ôn đới mà đa dạng các sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp.  - Tuy nhiên khí hậu nước ta có nhiều mưa bão, lũ lụt, hạn hán, các loại nấm mốc, sâu bệnh có hại dễ phát sinh, phát triển ảnh hưởng đến năng suất chất lượng sản phẩm. | **0,5**  **0,5** |
| **Câu 3**  **(0,5 điểm)** | - Đối với kinh tế: dân số đông và tăng nhanh khiến tích lũy được ít, hạn chế việc đầu tư, làm giảm tốc độ phát triển kinh tế.  - Đối với xã hội: dân số tăng nhanh sẽ gây khó khăn cho việc giải quyết việc làm, phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, cải thiện nhà ở, giao thông... khiến đời sống người dân chậm được nâng cao.  - Đối với môi trường: dân số đông và tăng nhanh dẫn đến phải tăng cường khai thác tài nguyên, làm cho tài nguyên chóng cạn kiệt, đồng thời gây ô nhiễm môi trường... |  |

**TRƯỜNG THCS**.........

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2024 – 2025)**

**MÔN: LỊCH SỬ ĐỊA LÍ 9 (PHẦN ĐỊA LÍ) – KẾT NỐI TRI THỨC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **VD cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **CHƯƠNG 1: ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM** | | | | | | | | |
| **Bài 1: Dân tộc và dân số** |  |  | 1 |  |  | 1 |  |  |
| **Bài 2: Phân bố dân cư và các loại hình quần cư** |  |  | 1 |  |  |  |  |  |
| **Bài 3: Thực hành: Tìm hiểu vấn đề việc làm ở địa phơng và phân hoá thu nhập theo vùng** | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| **CHƯƠNG 2: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ** | | | | | | | | |
| **Bài 4: Nông nghiệp** |  |  | 1 | 1 |  |  |  |  |
| **Bài 5: Lâm nghiệp và thuỷ sản** | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| **Bài 6: Thực hành: Viết báo cáo về một mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả** | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| **Bài 7: Công nghiệp** |  | 1 ý | 1 |  |  |  |  | 1 ý |
| **Bài 8. Thực hành: Xác định các trung tâm công nghiệp chính ở nước ta** | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số câu TN/TL** | **4** | **1 ý** | **4** | **1** | **0** | **1** | **0** | **1 ý** |
| **Điểm số** | **1,0** | **1,0** | **1,0** | **0,5** | **0** | **1,0** | **0** | **0,5** |
| **Tổng số điểm** | **2,0 điểm**  **20%** | | **1,5 điểm**  **15%** | | **1,0 điểm**  **10%** | | **0,5 điểm**  **5%** | |

**TRƯỜNG THCS**.........

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2024 – 2025)**

**MÔN: LỊCH SỬ ĐỊA LÍ 9 (PHẦN ĐỊA LÍ – KẾT NỐI TRI THỨC**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/**  **Số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| **TN**  **(số ý)** | **TL**  **(số câu)** | **TN**  **(số ý)** | **TL**  **(số câu)** |
| **CHƯƠNG 1: ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM** | | | | | | |
| **Bài 1: Dân tộc và dân số** | Thông hiểu | Hiểu được nguyên nhân dẫn đến sự phân bố của các dân tộc ở nước ta. | **1** |  | **C4** |  |
| Vận dụng | Xác định được hậu quả của việc Dân số đông và tăng nhanh gây ảnh hưởng đến kinh tế, xã hội, môi trường. |  | **1** |  | **C3**  **(TL)** |
| **Bài 2: Phân bố dân cư và các loại hình quần cư** | Thông hiểu | Hiểu được nguyên nhân đô thị hóa mạnh mẽ ở nước ta. | **1** |  | **C6** |  |
| **Bài 3: Thực hành: Tìm hiểu vấn đề việc làm ở địa phương và phân hoá thu nhập theo vùng** | Nhận biết | Chỉ ra được địa phương có thu nhập bình quân đầu người/tháng cao nhất cả nước. | **1** |  | **C3** |  |
| **CHƯƠNG 2: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ** | | | | | | |
| **Bài 4: Nông nghiệp** | Thông hiểu | - Nắm được lý do vì sao tài nguyên sinh vật có sức ảnh hưởng lớn đến nông nghiệp.  - Giải thích được vì sao tài nguyên đất, khí hậu ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. | **1** | **1** | **C1** | **C3** |
| **Bài 5: Lâm nghiệp và thuỷ sản** | Nhận biết | Nhận biết được các loại rừng ở nước ta. | **1** |  | **C5** |  |
| **Bài 6: Thực hành: Viết báo cáo về một mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả** | Nhận  biết | Chỉ ra được các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả phát triển kinh tế ở Việt Nam. | **1** |  | **C8** |  |
| **Bài 7: Công nghiệp** | Nhận biết | Chỉ ra được các ngành công nghiệp chủ yếu ở nước ta. |  | **1 ý** |  | **C1a**  **(TL)** |
| Thông hiểu | Chỉ ra được các nguồn tài nguyên khoáng sản như than, dầu, khí là nguyên liệu cho ngành công nghiệp năng lượng, hóa chất. | **1** |  | **C2** |  |
| Vận dụng cao | Giải thích được lý do nhà nước khuyến khích phát triển ngành công nghiệp xanh. |  | **1 ý** |  | **C1b**  **(TL)** |
| **Bài 8. Thực hành: Xác định các trung tâm công nghiệp chính ở nước ta** | Nhận biết | Chỉ ra được trung tâm công nghiệp có quy mô rất lớn ở nước ta. | **1** |  | **C7** |  |